TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/HNGĐ-ST
Ngày: 22/3/2022
V/v "Tranh chấp Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Quốc Thắng
2. Bà Nguyễn Thị Bông Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan, Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 491/2021/HNST ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm:1982
Địa chỉ: 108/11 đường V phường Tân Thành, quận Tân Phú, Tp.HCM.

Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1976
Địa chỉ: 108/11 đường V, phường Tân Thành, quận Tân Phú, TPHCM
(Bà N và ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, các buổi hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, quận Tân Phú,Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 204 ngày 03/11/2009.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau về mọi mặt, cả hai không có tiếng nói chung, vợ chồng không chia sẽ cho nhau những khó khăn trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau. Vợ chồng thường xuyên ly thân lại hàn gắn rồi phát sinh mâu thuẫn nên cả hai đã sống ly thân khoảng hai năm nay. Nay bà xin ly hôn cùng ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 25/6/2010 và Phạm Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 20/11/2014. Bà xin được nuôi chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, vì từ ngày vợ chồng ly thân, bà là người trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N khai không có.

Về nợ chung: Bà N khai không có.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim N có đơn xin vắng mặt, ông Phạm Văn H vắng mặt không lý do.

Bị đơn ông Phạm Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại các Điều 48, Điều 49, Điều 51 Điều 63 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Yêu cầu chung đối với phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 222, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N về việc xin ly hôn ông Phạm Văn H.

Về con chung: Giao hai con chung tên Phạm Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 25/6/2010 và Phạm Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 20/11/2014 cho bà N nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà N không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu ly hôn cùng ông Phạm Văn H, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn ông Phạm Văn H có nơi cư trú tại quận Tân Phú nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Phạm Văn H đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà N và ông H theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 204 ngày 03/11/2009 của Uỷ ban nhân dân phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Phạm Văn H là hợp pháp phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Kim N trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau về mọi mặt, cả hai không có tiếng nói chung nên đã sống ly thân khoảng hai năm nay. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H vẫn vắng mặt thể hiện ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu…có nghĩa vụ sống chung…". Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 25/6/2010 và Phạm Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 20/11/2014. Bà N xin được nuôi chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, vì từ ngày vợ chồng ly thân, bà là người trực tiếp nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày bà N và ông H sống ly thân thì bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, nguyện vọng của hai trẻ là muốn sống cùng mẹ. Mặt khác hai trẻ là bé gái cần có sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ nên cần giao trẻ Phạm Nguyễn Quỳnh N và Phạm Nguyễn Quỳnh A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà Nhi không yêu cầu.

- *Về tài sản chung:* Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự*: Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N phải nộp không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp

nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Nhi

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Phạm Văn H. Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 24/7/2015 của Uỷ ban nhân dân phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Phạm Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 25/6/2010 và Phạm Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 20/11/2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà N không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp bà N không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông H hoặc bà N, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nghĩa vụ dân sự: Không xem xét.

2. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kim N nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0034651 ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi

hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường Tân Thành, quận Tân Phú
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Trúc Lý